

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 28

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát Công ty

Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306291349 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 39 401 570 – 39 400 648
- Fax : 028 39 404 184

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn sơn, xi măng, clanhke, thạch cao, vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.
- Giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp;
- Bán buôn xăng dầu;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ) như: tàu, thuyền (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận hành, khai thác mạng lưới viễn thông, tin học và truyền thông (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của luật viễn thông);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, bán lẻ sim, bán lẻ card điện thoại;
- Bán buôn sim, bán buôn card điện thoại;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh.



Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hạnh	Chủ tịch	Ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên	Ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Đinh Tử Hiền	Thành viên	Ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc An Khánh	Thành viên	Ngày 15 tháng 5 năm 2020
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	Thành viên	Ngày 15 tháng 5 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Thu Thảo	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Ngô Thế Khang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Bà Võ Thị Thanh Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hạnh	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Trần Thanh Hải	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc An Khánh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Hạnh – Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị, 



Nguyễn Thanh Hạnh
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0585/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Vân - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5441-2021-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.233.854.601	9.253.028.881
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		262.211.685	270.609.393
1. Tiền	111	V.1	262.211.685	270.609.393
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.823.075.873	8.851.469.491
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.878.474.212	7.583.702.212
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.856.124.290	2.106.028.134
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.409.507.002	1.482.768.776
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2.321.029.631)	(2.321.029.631)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148.567.043	130.949.997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	66.932.782	48.997.115
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	81.634.261	81.952.882
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		121.832.960	120.187.076
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	15.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		106.832.960	120.187.076
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	106.832.960	120.187.076
- Nguyên giá	222		1.533.693.563	1.533.693.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.426.860.603)	(1.413.506.487)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		75.854.000	75.854.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.854.000)	(75.854.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.8	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.355.687.561	9.373.215.957

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.532.822.193	2.232.645.862
I. Nợ ngắn hạn	310		4.532.822.193	2.232.645.862
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	3.949.165.279	810.061.708
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.576.365	3.615.707
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	24.751.088	72.060.569
4. Phải trả người lao động	314	V.11	80.176.445	80.665.027
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	64.153.711	470.086.709
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	408.468.761	793.625.598
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.530.544	2.530.544
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.822.865.368	7.140.570.095
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.822.865.368	7.140.570.095
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	18.540.000.000	18.540.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.540.000.000	18.540.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14	801.374.718	801.374.718
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	(14.518.509.350)	(12.200.804.623)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.200.804.623)	(12.200.804.623)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(2.317.704.727)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.355.687.561	9.373.215.957

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021


Đinh Tử Hiền
Người lập


Đinh Tử Hiền
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Hạnh
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37.565.511.014	50.988.228.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.565.511.014	50.988.228.770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	36.395.290.145	49.030.031.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.170.220.869	1.958.197.510
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.986.864	40.263.831
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	624.002	737.796
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.381.125.709	1.484.128.072
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.009.430.864	3.239.640.797
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.181.972.842)	(2.726.045.324)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	864.540.608	150.989.408
12. Chi phí khác	32	VI.8	272.493	66.587.762
13. Lợi nhuận khác	40		864.268.115	84.401.646
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.317.704.727)	(2.641.643.678)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	-	55.213.322
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.317.704.727)	(2.696.857.000)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,b	(1.250)	(1.455)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,b	(1.250)	(1.455)


Đinh Từ Hiền
Người lập

Đinh Từ Hiền
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thanh Hạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.317.704.727)	(2.641.643.678)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	13.354.116	13.354.116
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	160.384	303.245
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.304.190.227)	(2.627.986.317)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.712.239	2.798.975.084
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.300.176.331	(2.931.190.218)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17.935.667)	22.335.534
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.237.324)	(2.737.865.917)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.237.324)	(2.737.865.917)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	270.609.393	3.008.778.555
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(160.384)	(303.245)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	262.211.685	270.609.393

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Đinh Tử Hiền
Người lậpĐinh Tử Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Hạnh
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: bán buôn sơn, xi măng, clanhke, thạch cao, vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; giao nhận hàng hóa; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ đại lý tàu biển; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; bốc xếp hàng hóa cảng biển; đại lý, dịch vụ cung ứng tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 20 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 24 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận – Phòng giao dịch Nhà Rộng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận – Phòng giao dịch Nhà Rộng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	27
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 11

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	47.486.239	81.202.355
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	214.725.446	189.407.038
Cộng	262.211.685	270.609.393

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bên liên quan	2.121.632.662	2.041.026.828
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	2.121.632.662	2.041.026.828
Phải thu các khách hàng khác	5.756.841.550	5.542.675.384
Công ty Xi măng Chínfon	4.869.655.545	4.689.426.570
Các khách hàng khác	887.186.005	853.248.814
Cộng	7.878.474.212	7.583.702.212

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền cước tàu cho PT.Jayantara JI.Perintis Kemedekaan – Indonesia ⁽ⁱ⁾	1.808.225.380	1.808.225.380
Các nhà cung cấp khác	47.898.910	297.802.754
Cộng	1.856.124.290	2.106.028.134

⁽ⁱ⁾ Khoản nợ này đã quá hạn được trích lập dự phòng 100% (xem thuyết minh số V.5).**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu bên liên quan	1.048.676.014	-	1.048.676.014	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam – phải thu lãi chậm trả tiền hàng	1.048.676.014	-	1.048.676.014	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	360.830.988	-	434.092.762	-
Tạm ứng cho nhân viên	315.634.283	-	374.946.057	-
Ký quỹ ngắn hạn	27.000.000	-	15.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	18.196.705	-	44.146.705	-
Cộng	1.409.507.002	-	1.482.768.776	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ quá hạn**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		2.103.451.752	2.103.451.752		2.041.026.828	2.041.026.828
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam – tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.904.938.776	1.904.938.776	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.041.026.828	2.041.026.828
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	198.512.976	198.512.976			
Các tổ chức khác		2.352.583.381	31.553.750		2.321.029.631	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Việt – tiền bán hàng	Trên 3 năm	435.328.573	-	Trên 3 năm	435.328.573	-
Malayyan Navigation Co., Ltd. – tiền bán hàng	Trên 3 năm	59.773.980	-	Trên 3 năm	59.773.980	-
PT. Jayantara Jl. Perintis Kemedekaan – Indonesia – ứng trước tiền mua hàng	Trên 3 năm	1.808.225.380	-	Trên 3 năm	1.808.225.380	-
Công ty TNHH MTV Nam Triệu – tiền bán hàng	Trên 3 năm	17.701.698	-	Trên 3 năm	17.701.698	-
Cửa hàng 438 Nguyễn Tất Thành – tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	31.553.750	31.553.750		-	-
Cộng		4.456.035.133	2.135.005.502		4.362.056.459	2.041.026.828

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.321.029.631	2.321.029.631
Số cuối năm	2.321.029.631	2.321.029.631

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua đồ bảo hộ lao động	26.503.501	27.360.751
Chi phí khác	40.429.281	21.636.364
Cộng	66.932.782	48.997.115

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	429.507.200	1.025.913.636	78.272.727	1.533.693.563
Số cuối năm	429.507.200	1.025.913.636	78.272.727	1.533.693.563
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	63.156.800	1.025.913.636	78.272.727	1.167.343.163
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	309.320.124	1.025.913.636	78.272.727	1.413.506.487
Khấu hao trong năm	13.354.116	-	-	13.354.116
Số cuối năm	322.674.240	1.025.913.636	78.272.727	1.426.860.603
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	120.187.076	-	-	120.187.076
Số cuối năm	106.832.960	-	-	106.832.960
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau với số tiền là 4.478.772.177 VND

Chi tiết lỗ tính thuế của Công ty như sau:

Năm phát sinh	Số lỗ tính thuế
Năm 2019	2.364.823.094
Năm 2020	2.113.949.083
Cộng	4.478.772.177

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản lỗ được chuyển này.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Parung International Co., Ltd.	3.022.382.250	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hoàng Bách	518.680.100	679.485.750
Phải trả các nhà cung cấp khác	408.102.929	130.575.958
Cộng	3.949.165.279	810.061.708

Công ty không có nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	72.060.569	-	212.811.674	(260.121.155)	24.751.088	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.800.944.088	(1.800.944.088)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	72.414.831	-	-	-	72.414.831
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.538.051	31.635.605	(31.316.984)	-	9.219.430
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	72.060.569	81.952.882	2.049.391.367	(2.096.382.227)	24.751.088	81.634.261

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu vận tải quốc tế	0%
- Doanh thu gỗ ri, vệ sinh tàu ...	10%
- Doanh thu bán hàng hóa, bốc xếp, vận chuyển trong nước	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.317.704.727)	(2.641.643.678)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	203.755.644	276.820.584
Thu nhập chịu thuế	(2.113.949.083)	(2.364.823.094)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	55.213.322
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	55.213.322

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 của công nhân vụ việc chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả cho các nhà cung cấp.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	400.000.000	785.000.000
Ông Trần Thanh Hải – Tiền cho mượn	-	300.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hạnh – Tiền cho mượn	-	485.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Tiền cho mượn	400.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	8.468.761	8.625.598
Cổ tức phải trả	2.935.500	2.935.500
Kinh phí công đoàn	4.561.783	4.713.680
Phải trả khác	971.478	976.418
Cộng	408.468.761	793.625.598

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Vốn chủ sở hữu**14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	18.540.000.000	801.374.718	(9.503.947.623)	9.837.427.095
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(2.696.857.000)	(2.696.857.000)
Số dư cuối năm trước	18.540.000.000	801.374.718	(12.200.804.623)	7.140.570.095
Số dư đầu năm nay	18.540.000.000	801.374.718	(12.200.804.623)	7.140.570.095
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(2.317.704.727)	(2.317.704.727)
Số dư cuối năm nay	18.540.000.000	801.374.718	(14.518.509.350)	4.822.865.368

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	4.906.000.000	4.906.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hạnh	6.228.870.000	6.228.870.000
Ông Nguyễn Quốc Khánh An	2.800.000.000	2.800.000.000
Các cổ đông khác	4.605.130.000	4.605.130.000
Cộng	18.540.000.000	18.540.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.854.000	1.854.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.854.000	1.854.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.854.000	1.854.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.854.000	1.854.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.854.000	1.854.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền của Công ty bao gồm 7,005.44 USD (số đầu năm là 926.45 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	25.974.405.000	37.223.350.766
Doanh thu bán hàng điện thoại di động, vé máy bay, thẻ cào, vietlot	69.097.263	821.223.755
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.522.008.751	12.943.654.249
Cộng	37.565.511.014	50.988.228.770

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam với số tiền là 543.309.875 VND (năm trước là 649.832.263 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	24.889.354.000	35.644.224.450
Giá vốn bán hàng điện thoại di động, vé máy bay, thẻ cào, vietlot	48.419.815	729.951.950
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.457.516.330	12.655.854.860
Cộng	36.395.290.145	49.030.031.260

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.684.471	21.339.543
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	34.302.393	18.924.288
Cộng	38.986.864	40.263.831

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	463.618	434.551
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	160.384	303.245
Cộng	624.002	737.796

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	855.098.788	907.827.105
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.782.000	10.185.821
Chi phí thuê văn phòng, cửa hàng	68.335.484	65.280.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	263.738.056	297.615.546
Chi phí khác bằng tiền	191.171.381	203.219.600
Cộng	1.381.125.709	1.484.128.072

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.472.188.590	2.609.219.308
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.079.564	72.734.124
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.896.498	50.882.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.354.116	13.354.116
Thuế, phí và lệ phí	11.997.086	14.818.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.648.469	232.991.540
Chi phí khác bằng tiền	198.266.541	245.640.799
Cộng	3.009.430.864	3.239.640.797

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền thưởng do hoàn thành công việc trước kế hoạch	749.996.777	139.033.728
Tiền bồi thường	-	10.535.680
Thu nhập khác	114.543.831	1.420.000
Cộng	864.540.608	150.989.408

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	55.962.982
Chi phí bồi thường	-	10.535.680
Chi phí khác	272.493	89.100
Cộng	272.493	66.587.762

9. Lãi cơ trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.317.704.727)	(2.696.857.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và khen thưởng ban điều hành	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(2.317.704.727)	(2.696.857.000)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.854.000	1.854.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.250)	(1.455)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.114.062	134.614.563
Chi phí nhân công	4.969.025.014	5.239.274.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.354.116	13.354.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.276.585.976	11.395.739.391
Chi phí khác	512.993.735	596.640.873
Cộng	15.848.072.903	17.379.623.729

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Mượn tiền	-	800.000.000

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Mượn tiền	400.000.000	-
-----------	-------------	---

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.13

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Thanh Hạnh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	323.393.181	269.125.388
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	248.193.136	227.007.055
Ông Nguyễn Quốc An Khánh	Thành viên HĐQT	40.698.000	210.101.050
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	Thành viên HĐQT	38.988.000	41.040.000
Ông Đinh Tử Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	233.386.237	213.397.350
Ông Lê Quốc Khánh	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019)	-	9.156.000
Bà Phạm Thu Thảo	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019)	109.138.231	28.387.000
Bà Võ Thị Thanh Thảo	Thành viên kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020)	67.105.659	24.120.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020)	134.471.277	-
Ông Ngô Thế Khang	Thành viên kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019)	134.700.982	16.817.000
Cộng		1.330.416.703	1.039.150.843

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

